

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 28/2022/HSST
Ngày 25/3/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Ph**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Nhung.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Nguyễn Lương Thành
 2. Bà Lương Thị Kim Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Tường V - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2022/TLST-HS, ngày 28/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo sau:

Họ và tên: **PHẠM VĂN N** - Sinh năm 1999

Nơi cư trú: Thôn HT, xã QH, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Phạm Văn Đ và con bà Lê Thị V;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bắt tạm giữ ngày 04/10/2021, chuyển tạm giam ngày 13/10/2021

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Phạm Trường K – Sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khối NV, phường ĐN, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

2. Ông Đinh Văn C – Sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khối CAĐ, phường ĐNĐ, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam

3. Bà Lê Thị P – Sinh năm 1977 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 61 LLQ, phường ĐD, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
4. Ông Lê Văn H – Sinh năm 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khối 2A, phường ĐNB, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
5. Bà Nguyễn Thị Kim H – Sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khối CS, phường ĐNB, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
6. Bà Nguyễn Thị Tường V – Sinh năm 1996 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khối CAĐ, phường ĐNB, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
7. Ông Đàm Ngọc T – Sinh năm 1999 (vắng mặt)
Nơi ĐKTT: Phố GL, phường QT, thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa
Nơi ở: Khối TK, phường ĐD, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
8. Bà Lê Thị V – Sinh năm 1972 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khối HB, phường ĐD, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
9. Ông Trần Quốc T – Sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khối HMT, phường ĐD, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
10. Ông Nguyễn T – Sinh năm 1970 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khối 8, phường TH, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Văn N thuê trọ tại khối phố Tân Khai, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn để ở và bắt đầu hoạt động cho vay lãi nặng từ tháng 4/2020 đến tháng 10/2021 với phương thức thủ đoạn: N in và rải tờ rơi trên đường với nội dung “CHO VAY TIỀN GÓP THEO NGÀY, LIÊN HỆ SỐ ĐIỆN THOẠI: LINH 0934601593”. Khách có nhu cầu vay tiền thì liên hệ qua điện thoại, N đến xem nhà, xem CMND rồi cho vay với hình thức trả góp hằng ngày trong vòng 25 ngày đối với 01 gói vay. Khi đưa tiền cho người vay, N lấy trước 01 hoặc 02 ngày tiền góp và tiền phí cho vay bằng 01 ngày tiền góp, người vay chỉ góp thêm 24 ngày nữa là kết thúc gói vay. Đối với 24 ngày góp sau, N trực tiếp đi thu hoặc chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng Sacombank, tên chủ tài khoản là Phạm Văn N, số tài khoản: 040096164345. Nếu người vay đã góp được hơn $\frac{1}{2}$ số tiền vay nhưng không có đủ khả năng để góp tiếp thì có thể đáo hạn, nghĩa là người vay sẽ vay một gói vay mới cách thức như lần vay trước và số tiền người vay thực nhận sẽ là số tiền sau khi bị trừ đi số tiền những ngày chưa góp của lần vay trước đó. Vốn ban đầu của N là 130.000.000 đồng. Từ tháng 4/2020 đến tháng 10/2021 Phạm Văn N đã cho những người sau vay cụ thể như sau:

1. Đối với bà Nguyễn Thị Kim H:

Ngày 01/8/2020 bà H vay 10.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, tiền phí cho vay 500.000 đồng và mỗi ngày góp 500.000 đồng. Đến ngày 01/01/2021 bà H đáo hạn 06 lần và đã trả hết tiền vay.

Đến ngày 03/3/2021, bà H vay 10.000.000 đồng, tiền phí cho vay 500.000 đồng và mỗi ngày góp 500.000 đồng, tương tự như trên N đáo hạn 03 lần và đã trả hết tiền vay.

Đến ngày 01/6/2021, bà H vay 5.000.000 đồng trả trong vòng 25 ngày, tiền phí cho vay 250.000 đồng và mỗi ngày góp 250.000 đồng. Bà H đã trả được 02 ngày góp với số tiền 550.000 đồng, hiện nay vẫn còn nợ N 5.700.000 đồng.

Như vậy N cho bà H vay lãi nặng tổng số tiền 115.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày tương đương 365%/năm, lãi suất cao gấp 18,25 lần so với quy định. Tiền lãi 28.750.000 đồng, trong đó lãi đúng quy định: 1.575.339 đồng, lãi vượt quá quy định 27.174.661 đồng, phí cho vay 5.750.000 đồng, N thu lợi bất chính 32.924.661 đồng.

2. Đối và bà Nguyễn Thị Tường V:

Ngày 01/2/2021 bà V vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, tiền phí cho vay 250.000 đồng và mỗi ngày góp 250.000 đồng. Gói vay này, bà V đáo hạn 03 lần, từ sau lần đáo hạn thứ 3 trả được 04 ngày góp với số tiền 1.000.000 đồng, hiện nay vẫn còn nợ của N 5.250.000 đồng.

Khoảng tháng 6/2021, bà V vay 5.000.000 đồng trả trong vòng 25 ngày, với hình thức như những lần vay trước, đáo hạn 02 lần. Sau lần đáo hạn thứ 2, bà V đã trả được 05 ngày góp với số tiền 1.250.000 đồng, hiện nay vẫn còn nợ của N 5.000.000 đồng.

Như vậy N cho bà V vay lãi nặng tổng số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày tương đương 365%/năm, lãi suất cao gấp 18,25 lần so với quy định. Tiền lãi 8.750.000 đồng, trong đó lãi đúng quy định: 479.451 đồng, lãi vượt quá quy định: 8.270.549 đồng, phí cho vay: 1.750.000 đồng, N thu lợi bất chính: 10.020.549 đồng.

3. Đối với ông Lê Văn H:

Ngày 26/6/2021 ông H vay 10.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, phí cho vay 500.000 đồng, hiện nay vẫn còn nợ của N 5.500.000 đồng.

Ngày 05/7/2021, ông H vay 10.000.000 đồng với hình thức như lần vay trước, trả trong vòng 25 ngày, phí cho vay 500.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng và đã trả được 07 ngày góp với số tiền 3.500.000 đồng, hiện nay vẫn còn nợ của N 9.000.000 đồng.

Như vậy N cho ông H vay lãi nặng tổng số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày tương đương 365%/năm, lãi suất cao gấp 18,25 lần so với quy định. Tiền lãi:

5.000.000 đồng, trong đó lãi đúng quy định: 273.972 đồng, lãi vượt quá quy định: 4.726.028 đồng, phí cho vay: 1.000.000 đồng, N thu lợi bất chính: 5.726.028 đồng.

4. Đối với bà Lê Thị Ph:

Khoảng tháng 3/2021 bà Ph vay 15.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp 750.000 đồng, N không tính phí cho vay. Gói vay này bà Ph đáo hạn 02 lần, trong lần đáo hạn thứ hai (ngày 16/5/2021) bà Ph chuyển sang vay gói 15.000.000 đồng, trả trong vòng 32 ngày, mỗi ngày góp 600.000 đồng, trả đến ngày 21/6/2021 bà Ph đáo hạn và tính đến thời điểm hiện tại đã trả được 12 ngày góp với số tiền: 7.200.000 đồng, hiện nay còn nợ của N: 12.000.000 đồng.

Như vậy N cho bà Ph vay lãi nặng tổng số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất từ 0,875%/ngày đến 1%/ngày tương đương từ 319%/năm đến 365%/năm, lãi suất cao gấp từ 15,95 đến 18,25 lần so với quy định. Tiền lãi: 15.900.000 đồng, trong đó lãi đúng quy định: 937.602 đồng, lãi vượt quá quy định: 14.962.398 đồng, N thu lợi bất chính: 14.962.398 đồng.

5. Đối với ông Đinh Văn C:

Khoảng tháng 3/2021 ông C vay 10.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, tiền phí cho vay 500.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng. Đến ngày 25/7/2021, ông C đáo hạn 05 lần, từ sau lần đáo hạn thứ 05 trả được 13 ngày góp với số tiền 6.500.000 đồng, hiện nay còn nợ của N 6.000.000 đồng.

Khoảng tháng 5/2021, ông C vay 10.000.000 đồng, với hình thức như lần vay trước, tiền phí cho vay 500.000 đồng, đáo hạn 04 lần. Từ sau lần đáo hạn này, ông C trả được 06 ngày góp với số tiền 3.000.000 đồng, hiện nay vẫn còn nợ N 9.500.000 đồng.

Như vậy N cho ông C vay lãi nặng tổng số tiền 110.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày tương đương 365%/năm, lãi suất cao gấp 18,25 lần so với quy định. Tiền lãi: 27.500.000 đồng, trong đó lãi đúng quy định: 1.506.846 đồng, lãi vượt quá quy định: 25.993.154 đồng, phí cho vay: 5.500.000 đồng, N thu lợi bất chính: 31.493.154 đồng.

6. Đối với ông Phạm Trường Kh:

Khoảng tháng 02/2021 ông Kh vay 20.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, tiền phí cho vay 1.000.000 đồng, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng, đáo hạn 02 lần. Trong lần đáo hạn thứ 02 ông Kh chuyển sang vay gói 40.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, tiền phí cho vay 2.000.000 đồng, mỗi ngày trả 2.000.000 đồng, đáo hạn 05 lần. Từ sau lần đáo hạn thứ 05, ông Kh trả được 01 ngày góp với số tiền 2.000.000 đồng, hiện nay còn nợ của N 48.000.000 đồng.

Như vậy N cho ông Kh vay lãi nặng tổng số tiền 280.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày tương đương 365%/năm, lãi suất cao gấp 18,25 lần so với quy định. Tiền lãi:

70.000.000 đồng, trong đó lãi đúng quy định: 3.835.614 đồng, lãi vượt quá quy định: 66.164.386 đồng, phí cho vay: 14.000.000 đồng, N thu lợi bất chính: 80.164.386 đồng.

Phạm Văn N cho bà H, bà V, bà Ph, ông C, ông Kh và ông H vay lãi nặng tổng số tiền 620.000.000 đồng, lãi suất từ 0,875%/ngày đến 1%/ngày tương đương lãi suất từ 319%/năm đến 365%/năm, lãi suất cao gấp từ 15,95 đến 18,25 lần so với quy định. Tiền lãi: 155.900.000 đồng, trong đó: Lãi đúng quy định: 8.608.824 đồng, lãi vượt quá quy định: 147.291.176 đồng, phí cho vay: 28.000.000đ, N thu lợi bất chính 175.291.176 đồng.

Bản Cáo trạng số: 07/CT-VKS, ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn thì Phạm Văn N bị truy tố về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa đại diện VKSND thị xã Điện Bàn trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo N phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo N từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Điện Bàn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 10/2021 trên địa bàn thị xã Điện Bàn, Phạm Văn N cho bà H, ông Kh, ông C, bà Ph, ông H và bà V vay lãi nặng tổng số tiền 620.000.000 đồng, lãi suất từ 0,875%/ngày đến 1%/ngày tương đương lãi suất từ 319%/năm đến 365%/năm, lãi suất cao gấp từ 15,95 đến 18,25 lần so với quy định. Tiền lãi 155.900.000 đồng, lãi đúng quy định 8.608.824 đồng, lãi vượt quá quy định: 147.291.176 đồng, phí cho vay 28.000.000 đồng, N thu lợi bất chính 175.291.176 đồng. Trong đó số tiền lãi N đã nhận 134.475.000 đồng, phí cho vay đã nhận 28.000.000 đồng, lãi đúng quy định đã nhận 7.414.108 đồng, lãi vượt quy định đã nhận 127.060.892 đồng, số tiền thu lợi bất chính N đã nhận là 155.060.892 đồng. Cụ thể như sau: Cho bà H vay 115.000.000

đồng, tiền lãi 28.750.000đ, trong đó lãi đúng quy định 1.575.339đ, lãi vượt quá quy định 27.174.661, phí cho vay 5.750.000đ, N thu lợi bất chính 32.924.661 đồng; Cho bà V vay lãi nặng tổng số tiền 35.000.000 đồng, tiền lãi 8.750.000đ, trong đó lãi đúng quy định 479.451đ, lãi vượt quá quy định 8.270.549đ, phí cho vay 1.750.000đ, N thu lợi bất chính 10.020.549 đồng; Cho ông H vay lãi nặng tổng số tiền 20.000.000 đồng, tiền lãi 5.000.000đ, trong đó lãi đúng quy định 273.972đ, lãi vượt quá quy định 4.726.028 đồng, phí cho vay 1.000.000đ, N thu lợi bất chính 5.726.028 đồng; Cho bà Ph vay lãi nặng tổng số tiền 60.000.000 đồng, tiền lãi 15.900.000đ, trong đó lãi đúng quy định 937.602 đồng, lãi vượt quá quy định 14.962.398 đồng, N thu lợi bất chính 14.962.398 đồng; Cho ông C vay lãi nặng tổng số tiền 110.000.000 đồng, tiền lãi 27.500.000đ, trong đó lãi đúng quy định 1.506.846đ, lãi vượt quá quy định 25.993.154đ, phí cho vay 5.500.000đ, N thu lợi bất chính 31.493.154 đồng và cho ông Kh vay lãi nặng tổng số tiền 280.000.000 đồng, tiền lãi 70.000.000 đồng, trong đó lãi đúng quy định 3.835.614 đồng, lãi vượt quá quy định 66.164.386 đồng, phí cho vay 14.000.000 đồng, N thu lợi bất chính 80.164.386 đồng.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan, tang vật vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Đồng thời qua tranh luận bị cáo đồng ý với lời luận tội đề nghị kết tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Do đó quyết định truy tố của VKSND thị xã Điện Bàn và luận tội đề nghị kết tội của Kiểm sát viên trong phần tranh luận đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật và được HĐXX chấp nhận.

[2] Đánh giá, tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Lợi dụng nhu cầu cấp bách của một số đối tượng cần vay tiền, trong thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 10/2021 trên địa bàn thị xã Điện Bàn Phạm Văn N đã cho nhiều người vay với lãi suất từ 319%/năm đến 365%/năm, lãi suất cao gấp từ 15,95 đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự nhằm thu lợi bất chính với số tiền tổng cộng 175.291.176 đồng, số tiền thu lợi bất chính N đã nhận là: 155.060.892 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, gây ảnh hưởng xấu đến chế độ quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tín dụng, kinh doanh tiền tệ. Mặc dù việc cho vay là sự thỏa thuận giữa các cá nhân với nhau trong giao dịch dân sự, tuy nhiên hành vi cho vay lãi nặng của N có tính chất chuyên bóc lột nhằm thu lợi bất chính. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Do đó có đầy đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phạm Văn N phạm tội: “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, sau khi vụ án phát hiện bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp một phần khoảng thu lợi bất chính với số tiền 16.000.000 đồng, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy

nhiên bị cáo cho vay với mức lãi suất cao, thu lợi bất chính số tiền lớn nên cần phải xử nghiêm đối với loại tội phạm này nhằm ngăn ngừa hoạt động tín dụng đen, các biến tướng của nó đã và đang xảy ra không lường trong xã hội. Do đó cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo là đúng pháp luật.

[4] Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự phạt tiền bổ sung đối với bị cáo N.

[5] Đối với các đối tượng có tên: “Khoa đn” có số điện thoại 0935049865, “Hải Đn” có số điện thoại 0905677587; “Chấn T” có số điện thoại 0383426552 chưa xác định được nhân thân, lai lịch Cơ quan CSĐT Công an thị xã Điện Bàn tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

Đối với các đối tượng có tên: “Hương bò né” có số điện thoại 0905261127; “Thắm” có số điện thoại: 0905412883; “H bên trề” có số điện thoại 0905971042; “Hoa bên trề” có số điện thoại 0854336459; “Lục Ha” có số điện thoại 0898544173 những đối tượng trên hiện sinh sống trên địa bàn thành phố Hội An, các giao dịch cho vay xảy ra trên địa bàn thành phố Hội An. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Điện Bàn đã có Công văn chuyển thông tin tội phạm cùng tài liệu có liên quan đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hội An để điều tra, xác minh và xử lý theo thẩm quyền.

Đối với Đàm Ngọc Th đã cho bà Lê Thị V vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan CSĐT đã có Công văn và chuyển sao tài liệu cùng 02 điện thoại di động bị tạm giữ của Thắng cho Công an thị xã Điện Bàn để xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

[5] Xét về vật chứng:

- 01 xe máy hiệu Honda Blade, BKS: 92C-18095 màu đen xám; 01 giấy đăng ký xe máy BKS: 92C1-18095; 01 giấy biên nhận mua bán xe máy, xe máy này người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy là ông Nguyễn Văn N, N khai xe này của ông Trương Đình B, ông Ba cho N mượn sử dụng nhưng chưa làm việc với ông B và ông N, tiếp tục giao cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã Điện Bàn tạm giữ để điều tra, xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

- 01 căn cước công dân số 038099014830 mang tên Phạm Văn N, cấp ngày 30/7/2018, nghĩ nên hoàn trả cho bị cáo;

- 01 thẻ ATM Ngân hàng Sacombank mang tên Phạm Văn N, số thẻ: 4221510352566593 cần phải tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu xanh, số IMEL: 355018172833801 gắn sim số 0963296541 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, số seri: 356962093920990, gắn sim số 0934601593 của bị cáo N, đây là điện thoại dùng để liên lạc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, cần phải tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước. Đối với sim số 0963296541 và sim số 0934601593 của Phạm Văn N cần phải tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động Iphone XS Max màu vàng, số IMEL: 357260098568354, gắn sim số 0843648868 và 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen, có số seri 1: 355752102247738 của ông Thắng đã chuyển Công an thị xã Điện Bàn để xử phạt vi phạm hành chính.

- Trong quá trình cho vay, N đã nhận của bà H phí cho vay: 5.750.000 đồng và tiền lãi vay: 27.600.000 đồng, trong đó lãi đúng quy định: 1.512.325 đồng, lãi vượt quá quy định: 26.087.675 đồng, số tiền thu lợi bất chính đã nhận 31.837.675 đồng, bà H yêu cầu trả lại tiền lãi vượt quá quy định và phí cho vay, nhưng hiện nay bà H còn nợ tiền vay gốc của N 4.550.000 đồng, do đó được khấu trừ số tiền nợ vay gốc, số tiền còn lại N phải trả cho bà H là: 27.287.600 đồng;

- Trong quá trình cho vay, N đã nhận của bà V phí cho vay: 1.750.000 đồng và tiền lãi vay: 6.700.000 đồng, trong đó lãi đúng quy định: 367.121 đồng, lãi vượt quá quy định: 6.332.879 đồng, số tiền thu lợi bất chính đã nhận 8.082.879 đồng, bà V yêu cầu trả lại tiền lãi vượt quá quy định và phí cho vay, nhưng hiện nay bà V còn nợ tiền vay gốc của N 8.200.000 đồng. Do đó bà V phải hoàn trả cho N tiền nợ vay gốc còn lại 117.100đ, nhưng số tiền vay gốc là phương tiện phạm tội cần phải buộc bà V nộp 117.100 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Trong quá trình cho vay, N đã nhận của ông H phí cho vay: 1.000.000 đồng và tiền lãi vay: 2.100.000 đồng, trong đó lãi đúng quy định: 115.068 đồng, lãi vượt quá quy định: 1.984.932 đồng, số tiền thu lợi bất chính đã nhận 2.984.932 đồng, ông H yêu cầu trả lại tiền lãi vượt quá quy định và phí cho vay, nhưng hiện nay ông H còn nợ tiền vay gốc của N 11.600.000 đồng, do đó được khấu trừ số tiền nợ vay gốc, số tiền còn lại ông H phải trả cho N là: 8.615.000 đồng, nhưng tiền vay gốc là phương tiện phạm tội cần phải buộc ông H nộp 8.615.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Trong quá trình cho vay, N đã nhận của bà Ph tiền lãi 13.275.000 đồng, trong đó lãi đúng quy định: 773.026 đồng, tiền lãi vượt quá quy định: 12.501.974 đồng, N không thu phí vay của bà Ph, số tiền thu lợi bất chính đã nhận là: 12.501.974 đồng, bà Ph yêu cầu trả lại tiền lãi vượt quá quy định, nhưng hiện nay bà Ph còn nợ tiền vay gốc của N 9.375.000 đồng, do đó được khấu trừ số tiền nợ vay gốc, số tiền còn lại N phải trả cho bà Ph là: 3.126.900 đồng;

- Trong quá trình cho vay, N đã nhận của ông C phí cho vay: 5.500.000 đồng và tiền lãi vay 24.400.000 đồng, trong đó lãi đúng quy định: 1.336.982 đồng, lãi vượt quá quy định: 23.063.018 đồng, số tiền thu lợi bất chính đã nhận là: 28.563.018 đồng, ông C yêu cầu trả lại số tiền lãi vượt quá quy định và phí cho vay, nhưng hiện nay ông C còn nợ tiền vay gốc của N 12.400.000 đồng, do đó được khấu trừ số tiền nợ gốc, số tiền còn lại N phải trả cho ông C là: 16.163.000 đồng;

- Trong quá trình cho vay, N đã nhận của ông Kh phí cho vay: 14.000.000 đồng và tiền lãi vay: 60.400.000 đồng, trong đó lãi đúng quy định: 3.309.586 đồng, lãi vượt quy định: 57.090.414 đồng, số tiền thu lợi bất chính đã nhận là: 71.090.411 đồng, ông Kh yêu cầu trả lại số tiền lãi vượt quá quy định và phí cho vay, nhưng hiện nay ông Kh còn nợ tiền vay gốc của N 38.400.000 đồng, do đó được khấu trừ số tiền nợ vay gốc, số tiền còn lại N phải trả cho ông Kh là: 32.690.400 đồng;

Số tiền gốc mà N cho vay do được đáo hạn nhiều lần nên tổng cộng 620.000.000 đồng, nhưng thực tế tiền gốc ban đầu N sử dụng cho các đối tượng vay lãi nặng là: 130.000.000 đồng. Số tiền vay gốc được xem là phương tiện phạm tội cần phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Do đó buộc N phải nộp 130.000.000 đồng, nhưng được trừ số tiền bà V đã nộp 117.100 đồng và ông H đã nộp 8.615.000 đồng, số tiền vay gốc còn lại N phải nộp 121.267.900 đồng. Ngoài ra quá trình cho vay tiền lãi đúng quy định N đã nhận 7.414.100 đồng, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên phải nộp để sung vào ngân sách nhà nước. Như vậy N phải nộp tiền để sung vào ngân sách nhà nước tổng cộng: 128.682.000 đồng, được trừ số tiền tạm nộp trước là 16.000.000 đồng, số tiền còn lại N phải nộp tiếp là: 112.682.000 đồng.

[9] Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Phí và Lệ phí và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 04/10/2021).

Hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung Phạm Văn N số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu xanh, số IMEL: 355018172833801 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, số seri: 356962093920990 của Phạm Văn N.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) sim số 0963296541 và 01 (một) sim số 0934601593 của Phạm Văn N.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Sacombank, số thẻ: 4221510352566593 tên Phạm Văn N.

Hoàn trả cho Phạm Văn N 01 (một) căn cước công dân số 038099014830, cấp ngày 30/7/2018, tên Phạm Văn N.

(vật chứng hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn đang tạm giữ tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2022)

Buộc Phạm Văn N phải nộp 128.682.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm nộp là: 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) tại biên lại thu số 0000805 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, số tiền còn lại Phạm Văn N phải nộp tiếp là: 112.682.000 đồng (một trăm mười hai triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Buộc ông Lê Văn H phải nộp 8.615.000 đồng (tám triệu, sáu trăm mười lăm nghìn đồng) và bà Nguyễn Thị Tường V phải nộp 117.100 đồng (một trăm mười bảy nghìn, một trăm đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc Phạm Văn N phải có nghĩa vụ trả tiền cho những người có tên sau:

- Trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 27.287.600 đồng (hai mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng)
- Trả cho bà Lê Thị Ph số tiền 3.126.900 đồng (ba triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm đồng)
- Trả cho ông Đinh Văn C số tiền 16.163.000 đồng (mười sáu triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng).
- Trả cho ông Phạm Trường Kh số tiền 32.690.400 đồng (ba mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, bốn trăm đồng)

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Phí và Lệ phí, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Phạm Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên TAND tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử Ph thẩm. Những người

vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Những người TGTT;
- VKS, THA;
- Công an Điện Bàn;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Nhung

